TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **372**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 11 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 567/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Bích T, sinh năm 1994.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/8/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2015 chị T và anh N tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 23/11/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 105/2015). Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh 02/4/2016, Nguyễn Như Y, sinh 08/6/2017 và Nguyễn Vi Đ, sinh 07/4/2019 (cháu K chị Trang đang nuôi dạy, cháu Ý và cháu Đ anh N đang nuôi dạy). Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cải với nhau, vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh N. Về con chung đồng ý giao hết 03 con chung cho anh N nuôi dạy, chị T không cấp dưỡng cho con. Trường hợp cháu K có

nguyện vọng sống với chị T, thì chị T đồng ý nuôi dạy cháu. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến và nguyện vọng của con chưa thành niên có tại hồ sơ, thể hiện: Cháu Nguyễn Quốc K hiện nay đang sống với chị T và có nguyện vọng được sống với chị T.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh N hai lần để tham gia hòa giải, nhưng anh N đều không đến, chị T cương quyết ly hôn với anh N, nên có căn cứ xác định được chị T và anh N không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, nên dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 105/2015 ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] *Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ly hôn chị T và anh N không có thỏa thuận Nời trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cháu Nguyễn Quốc K đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến thì cháu có nguyện vọng được sống với chị T nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu, đối với các cháu Nguyễn Như Ý và Nguyễn Vi Đ chị T thống nhất giao cho anh N nuôi dạy và thực tế hiện nay các cháu đang sống với anh N, đồng thời chị T và anh N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, do đó cần giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dạy và giao cháu Ý và cháu Đ cho anh N trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị T, anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T, anh N; nếu chị T, anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T, anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi Nời trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh N Tòa án không ghi nhận được việc có yêu cầu cấp dưỡng cho con hay không, chị T không tự nguyện cấp dưỡng cho con, xét thấy giữa chị T và anh N mỗi Nời đều có trách nhiệm nuôi dạy con chung, nên không buộc chị T và anh N phải cấp dưỡng con.

[3.3] *Về tài sản chung:* Chị T cho rằng tài sản chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N về vấn đề tài sản chung, nên không có căn cứ làm rõ và xem xét phần tài sản chung giữa chị T và anh N. Do đó, cần tách phần tài sản chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Bích T.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Bích T ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 105/2015 ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Trần Bích T trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Quốc K, sinh 02/4/2016; giao cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Như Ý, sinh 08/6/2017 và cháu Nguyễn Vi Đ, sinh 07/4/2019. Chị T, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; chị T, anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T, anh N; nếu chị T, anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T, anh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi Nời trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T, anh N không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Bích T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Trần Bích T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007256 ngày 14/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự khác có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Nời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải